

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
Thành phố Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 323/2017/HSST

NHÂN DANH

Ngày: 26&27-9-2017

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Ngô Tiến Phong.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Văn Huân**

Và bà Ngô Thị Ngọc Bích.

- Người ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Công Hách- Thư ký Tòa hình sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Quang Ái- Kiểm sát viên.

Trong 2 ngày 26 và 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 331/2017/HSST ngày 30/8/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 360/QĐ- ST ngày 05.9.2017 đối với các bị cáo:

1. Trần Hải G, sinh năm 1986; nơi ĐKNKTT: Tổ A, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Phòng VP5 Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội; nghề nghiệp: Nguyên Phó phòng giao dịch Cửa Bắc, Ngân hàng H -Chi nhánh Hàng Trống; văn hóa: 12/12; con ông: Trần Văn S; con bà: Nguyễn Thị Nghi; vợ: Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1988(Đã ly hôn); theo danh chỉ bản số 0091 do PC81B Công an Hà Nội lập ngày 16.01.2015, thì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đầu thú ngày 13/01/2015, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 01 Công an thành phố Hà Nội. Số giam: 678/4- có mặt.

2. Bùi Bảo Th, sinh năm 1989; nơi ĐKNKTT: Khu A, thị trấn Tân Yên, Hàm Yên, Tuyên Quang; chỗ ở: Tổ Ao phường Minh Xuân, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên

Quang; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ ngân hàng H- Chi nhánh Tuyên Quang; văn hóa: 12/12; con ông: Bùi Thanh T; con bà: Nguyễn Thị V; vợ: Nguyễn Thúy, sinh năm 1991; theo danh chỉ bản số 0178 do PC81b Công an Hà Nội lập ngày 11.3.2015, thì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị bắt ngày 03/03/2015, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 01 Công an thành phố Hà Nội; **số giam 1670 H1/8**; có mặt.

3. Bùi Văn Chi, sinh năm 1985; nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã H, Kim Bôi, Hòa Bình; chỗ ở: Mậu Lương, Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội; nghề nghiệp: Nhân viên cửa hàng phô tô; văn hóa: 12/12; con ông: Bùi Văn Hô; con bà: Bùi Thị Nu; vợ Bùi Thị Sứy, sinh năm 1986; có 01 con sinh năm 2013; theo danh chỉ bản số 0226 do PC81b Công an Hà Nội lập ngày 23.3.2015, thì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị bắt ngày 18/3/2015 trả tự do ngày 01/8/2016; bị cáo tại ngoại, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Trần Hải G:**

Có 02 luật sư Trương Anh Tú và Đặng Xuân Cường, Văn phòng luật sư Trương Anh Tú, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

*** Người bị hại:**

Chị Trần Thị Nh, sinh năm 1974 và chồng anh Phan Nam, sinh năm 1973; Cùng trú tại: Số F, ngõ Q Trần Quang Diệu, quận Đống Đa, TP. Hà Nội (Anh Nam có mặt, chị Nh ủy quyền cho chị Trần Thị H, sinh năm 1973; trú tại: Số M, tập thể thương binh 27/7 phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, có mặt).

*** Người bảo vệ quyền lợi cho bị hại:** 02 luật sư Trịnh Ngọc Thành và Bùi Thị Hồng G- Công ty luật TNHH Dân Quyền, Đoàn Luật sư TP. Hà Nội, có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Trịnh Trường Kim, sinh năm 1985; trú quán: P111, HH4B Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội, vắng mặt.

2. Anh Tạ Đức Bản, sinh năm 1985; nơi ĐKNKTT: Thị trấn D, Kim Sơn, Ninh Bình; chỗ ở: Tổ A, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, Hà Nội; ĐT 0985925777, vắng mặt.

3. Anh Trịnh Tiến Tài, sinh năm 1989, nơi ĐKNKTT: Số V ngõ Cửa Long, đường Trường Chinh, Hoàng Mai, Hà Nội; chỗ ở: Số A TT30, KĐT Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội, vắng mặt.

4. Anh Lưu Xuân Hòa, sinh năm 1986; trú quán: 12A 08 Khu ĐTM Đại Thanh, Thanh Trì, Hà Nội; nghề nghiệp: Nhân viên Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam, vắng mặt.
5. Anh Nguyễn Văn La, sinh năm 1974, tại Hưng Yên; trú quán: Số K, ngách 11/68 Thái Hà, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội, có mặt.
6. Chị Nguyễn Thị Thúy, sinh năm 1977; nơi ĐKNKTT: Số 180 Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ, Hà Nội; chỗ ở: Số 50B ngõ M Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, vắng mặt.
7. Chị Nguyễn Thanh Tùng, sinh năm 1985; trú quán: Phòng 11 X2 Khu Đô thị Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội, vắng mặt.
8. Chị Kiều Trung Dũng, sinh năm 1983; trú quán: Số B ngách O/110/67 Định Công Hạ, Hoàng Mai, Hà Nội, vắng mặt.
9. Anh Phùng Ngọc Khoa, sinh năm 1965; trú quán: Tổ A Phan Thiết, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Có đơn xin xử án vắng mặt).
10. Anh Bùi Thanh Tùng, sinh năm 1965; trú quán: Khu 4, TT Tân Yên, Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, có mặt.
11. Chị Trần Thị Phương La, sinh năm 1983; trú quán: Tổ N phường Tân Quang, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Dược sỹ bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.
12. Anh Dương Văn Th, sinh năm 1970; trú quán: Tổ E, phường Hưng Thành, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.
13. Ông Bùi Chí Công, sinh năm 1960; trú quán: Khu 4, TT Tân Yên, Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, có mặt.
14. Anh Nguyễn Văn Chiến, sinh năm 1969; trú quán: Tổ A, phường Minh Xuân, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.
15. Chị Đỗ Thị Thu, sinh năm 1978; trú quán: Tổ G, phường Nguyễn Trãi, TP. Hà G, tỉnh Lào Cai, vắng mặt.
16. Chị Bùi Thị Minh Hoa, sinh năm 1970; trú quán: Tổ K, phường Hưng Thành, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

17. Chị Nguyễn Minh Huệ, sinh năm 1966; trú quán: 117 A7 tập thể Trại Găng, Thanh Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội, vắng mặt.

18. Anh Nguyễn Tiến Đức, sinh năm 1978; trú quán: Phòng XL Tòa nhà VP5 Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do nợ nần nhiều nên tháng 10/2014, Trần Hải G là Phó phòng khách hàng cá nhân - Ngân hàng TMCP M - Hà Nội (H) - Chi nhánh Hàng Trống, kiêm Giám đốc phòng giao dịch Cửa Bắc- thành phố Hà Nội nảy sinh ý định lợi dụng danh nghĩa Phó giám đốc phòng giao dịch Cửa Bắc, ngân hàng H chi nhánh Hàng Trống để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của khách hàng có năng lực về tài Chi. Ngày 17/10/2014 Trần Hải G có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động tại Ngân hàng H; trong khi chờ Quyết định nghỉ việc, thời gian trước ngày 04.12.2014 G vẫn làm công việc trên bình thường.

Đầu tháng 11/2014 Trần Hải G hỏi Bùi Bảo Th: “Khách hàng có ở E có ai có tiềm năng về tài Chi, anh đang cần một khoản tiền, không biết làm thế nào?”. Th nói: “Có bà Nh, có giao dịch tài Chi hơn 20 tỷ đồng”. G bảo: “Bây giờ làm thế nào để bà ấy gửi 1 phần lên H để cá nhân mình sử dụng được”. Th nói: “Để lấy được tiền của bà Nh thì phải có 01 hợp đồng của Ngân hàng theo phương thức nào đó”. G thống nhất với Th phương án để bà Nh nộp tiền vào tài khoản sau đó làm hợp đồng quản lý tài khoản toàn bộ số vốn này, cho hưởng lãi xuất ưu đãi (thực tế Ngân hàng H không có gói sản phẩm này). Sau đó, Bùi Bảo Th gọi điện thoại cho chị Trần Thị Nh giới thiệu với chị Nh: Anh G làm ở Ngân hàng H, muốn gọi điện cho chị để tư vấn cho khách hàng về hình thức huy động vốn cho chương trình chứng minh năng lực tài Chi cho dự án với lãi xuất hấp dẫn là 1%/ tuần. Chị Nh đồng ý. Ngày hôm sau, G gọi điện cho chị Nh nói: G có một khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi cá nhân để thực hiện các hợp đồng (Dự án) tại Công ty tài Chi điện lực EVN và Ngân hàng H, số tiền huy động là 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ), thời gian cho vay chỉ 1 tuần, tối đa là 1 tháng. Tiền mà chị Nh chuyển vào tài khoản khách hàng sẽ được Ngân hàng quản lý, phong tỏa để đảm bảo khách hàng không rút ra được. Ngân hàng sẽ ký hợp đồng quản lý tài sản với chị để đảm bảo về thủ tục pháp lý. Chị Nh tin tưởng là thật. Thực tế các thông tin về khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi do Trần Hải G tự nghĩ ra, không có trên hệ thống của ngân hàng H. Sau đó, G đem mẫu dấu của Ngân hàng Thương mại cổ phần M-Hà Nội, Chi nhánh Hàng Trống Phòng Giao dịch Cửa Bắc và mẫu chức danh Trần Hải G- Phó giám đốc PGD Cửa Bắc (đăng trên tờ

A4) đến Cửa hàng phô tô, tại số 89 Trần Đại Nghĩa, Hai Bà Trưng, Hà Nội gặp nhân viên Bùi Văn Chi scan mẫu dấu, mẫu chức danh vào máy tính. Sau mỗi lần chị Nh chuyển tiền, G soạn thảo hợp đồng quản lý tài khoản với số tiền tương ứng số tiền mà chị Nh chuyển vào tài khoản, rồi chuyển vào địa chỉ gmail của Bùi Văn Chi: buichinh0989290485@gmail.com để Chi copy dán mẫu dấu của Ngân hàng Thương mại cổ phần M-Hà Nội, Chi nhánh Hàng Trống Phòng Giao dịch Cửa Bắc và mẫu chức danh Trần Hải G- Phó giám đốc PGD Cửa Bắc vào phần cuối bên trái (bên A) của Hợp đồng. Sau đó, G đưa cho Chi giấy A4 có biểu tượng Ngân hàng H để Chi dùng máy in fun màu in ra hợp đồng có dấu đỏ của Ngân hàng Thương mại cổ phần M-Hà Nội, Chi nhánh Hàng Trống Phòng giao dịch Cửa Bắc và mẫu chức danh Trần Hải G-Phó giám đốc PGD Cửa Bắc, rồi G ký đè lên dấu rồi đưa cho chị Nh ký và mỗi bên giữ 01 bản.

Từ ngày 07/11/2014 đến ngày 31/12/2014 theo chỉ dẫn của Trần Hải G, anh Phan Nam (là chồng chị Nh) và chị Nh đã liên tục chuyển tiền vào các tài khoản theo yêu cầu của G. Sau mỗi lần chuyển tiền, G và chị Nh ký hợp đồng quản lý tài khoản. Số tiền chị Nh chuyển vào các tài khoản, G đã tự rút ra hoặc nhờ những người mượn tài khoản rút ra sử dụng trả lãi cho chị Nh và trả nợ hết, đến nay không còn khả năng thanh toán. Ngày 13/01/2015 Trần Hải G ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Quá trình điều tra, xác định cụ thể như sau:

1. Ngày 07/11/2014, chị Nh đã bảo chồng là anh Phan Nam đến phòng giao dịch Ngân hàng H Cửa Bắc gặp G trao đổi. Sau khi gặp và trao đổi với G tại phòng giao dịch của Ngân hàng H, thấy tin tưởng, anh Nam đã chuyển 2.131.229.000đ (Hai tỷ một trăm ba mươi một triệu hai trăm hai mươi chín ngàn đồng) vào tài khoản số 1004032358 mang tên Nguyễn Văn La, mở tại Ngân hàng TMCP M - Hà Nội (H). G tự chế hợp đồng quản lý tài khoản, phong tỏa số tiền trên, thời hạn phong tỏa 7 ngày kể từ ngày ký, rồi ký tên, nhờ đóng dấu của Ngân hàng H, phòng giao dịch Cửa Bắc đưa cho anh Nam. Ngay sau khi nhận được số tiền do anh Nam gửi, anh Nguyễn Văn La đã chuyển khoản 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) đến tài khoản số 1003706847 của Trần Hải G mở tại Ngân hàng TMCP M-Hà Nội. G đã rút ra sử dụng. Đến ngày 14/11/2014 G đến nhà chị Nh trả tiền lãi 20 triệu đồng và thuyết phục chị Nh ký tiếp hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền 2.130.000.000đ (Hai tỷ một trăm ba mươi ngàn đồng), thời hạn phong tỏa là 60 ngày kể từ ngày ký. Khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Nguyễn Văn La. Hợp đồng này, G vẫn chưa trả cả gốc và lãi.

2. Ngày 11/11/2014, theo chỉ dẫn của Trần Hải G, chị Nh chuyển 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) vào tài khoản số 1004084393 mang tên Bùi Bảo Th, mở tại Ngân hàng TMCP M-Hà Nội. Buổi trưa cùng ngày, chị Nh đến Ngân hàng H-phòng giao

dịch 28 Cửa Bắc gặp G và Th. Chị Nh bảo đã chuyển vào tài khoản của Th 3.000.000.000 đồng rồi. Th bảo để em kiểm tra. Lúc này, chị Nh vay thêm được 2.000.000.000 đồng, G dẫn chị Nh ra phòng giao dịch Lý Nam Đế để chuyển số tiền trên vào tài khoản của Bùi Bảo Th. Buổi chiều cùng ngày, G mang đến nhà chị Nh hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng). Khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Nguyễn Văn La. Sau đó, G rút ra sử dụng. Đến ngày 11/12/2014, G thanh lý hợp đồng trả lại cho chị Nh 3.015.000.000 đồng. G và chị Nh ký tiếp hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền 2.000.000.000đ, thời hạn phong tỏa 7 ngày kể từ ngày ký. Khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Nguyễn Văn Hải. G đã trả lãi cho chị Nh 20.000.000 đồng. Còn tiền gốc G chưa trả.

3. Ngày 13/11/2014, theo chỉ dẫn của Trần Hải G, chị Nh chuyển 9.000.000.000đ (Chín tỷ đồng) vào tài khoản số 1005087454, mang tên Trịnh Trường Kim (là bạn học Đại học của G), mở tại Ngân hàng H chi nhánh Hàng Trống. G nhờ Kim chuyển khoản trả nợ một số người và rút tiền mặt chuyển cho G sử dụng. Sau đó, G và chị Nh ký hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền trên, thời hạn phong tỏa 60 ngày kể từ ngày ký. G đã trả lãi cho chị Nh 1,5 tháng là 540.000.000 đồng. Còn tiền gốc G chưa thanh toán.

4. Ngày 14/11/2014, theo chỉ dẫn của Trần Hải G, chị Nh chuyển 4.350.000.000 đồng (Bốn tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản số 1004032659 mang tên Trần Hải La (là em trai của G), mở tại Ngân hàng TMCP M - Hà Nội (H). G nhờ Trần Hải La rút toàn bộ số tiền ra và chuyển cho G sử dụng. Sau đó, G và chị Nh ký hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền trên, thời hạn phong tỏa 60 ngày kể từ ngày ký. Khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Nguyễn Văn La. G đã trả lãi cho chị Nh 1,5 tháng là 261.000.000 đồng. Còn tiền gốc G chưa thanh toán.

5. Ngày 20/11/2014, theo chỉ dẫn của Trần Hải G, chị Nh chuyển 1.450.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản số 1004032659 mang tên Trần Hải La. Sau đó, G nhờ Trần Hải La rút ra chiếm đoạt. Buổi tối cùng ngày, G và chị Nh ký hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền trên, thời hạn phong tỏa là 60 ngày, kể từ ngày ký. Khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Nguyễn Xuân Hương (là bạn học Đại học của G). G đã trả chị Nh tiền lãi 2 tháng là 116.000.000 đồng. Tiền gốc chưa thanh toán.

6. Sáng ngày 21/11/2014, theo chỉ dẫn của Trần Hải G, chị Nh chuyển 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản số 1004281662 mang tên Tạ Đức Bản, mở tại Ngân hàng TMCP M - Hà Nội. G nhờ Bản rút ra chiếm đoạt. Buổi chiều cùng ngày, G và chị Nh ký hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số

tiền trên, thời hạn phong tỏa 30 ngày kể từ ngày ký. Khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Nguyễn Văn Hải. Đến ngày 19/12/2014 G đã trả chi Nh tiền lãi 3 tuần là 19.500.000 đồng, G và chi Nh ký biên bản thanh lý hợp đồng quản lý tài khoản số tiền trên. Sau đó, G và chi Nh ký tiếp hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền 650.000.000 đồng, thời hạn phong tỏa 30 ngày kể từ ngày ký. Hợp đồng này G chưa trả cả gốc và lãi.

7. Ngày 25/11/2014, theo chỉ dẫn của Trần Hải G, chi Nh chuyển 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) vào tài khoản số 1004032659 mang tên Trần Hải La, mở tại Ngân hàng TMCP M - Hà Nội. G nhờ Trần Hải La rút ra chiếm đoạt. Cùng ngày, G và chi Nh ký hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền trên, thời hạn phong tỏa 60 ngày kể từ ngày ký, khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Nguyễn Văn Hải. Hợp đồng này G chưa thanh toán cả gốc và lãi.

8. Ngày 03/12/2014, theo chỉ dẫn của G, chi Nh chuyển 4.200.000.000 đồng (Bốn tỷ hai trăm ngàn đồng) vào tài khoản số 1004032659 mang tên Trần Hải La, mở tại ngân hàng TMCP M - Hà Nội. G nhờ La rút ra chiếm đoạt. Cùng ngày, G và chi Nh ký hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền trên, thời hạn phong tỏa 60 ngày kể từ ngày ký. Khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Nguyễn Hải Trường. G đã trả chi Nh tiền lãi 01 tháng là 168 triệu đồng. Còn tiền gốc chưa trả.

9. Ngày 04/12/2014, theo chỉ dẫn của Trần Hải G, chi Nh chuyển 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm ngàn đồng) vào tài khoản số 1004032659 mang tên Trần Hải La, mở tại Ngân hàng TMCP M - Hà Nội. G nhờ Trần Hải La rút ra chiếm đoạt. Cùng ngày, G và chi Nh ký hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền trên, thời hạn phong tỏa là 60 ngày kể từ ngày ký. Khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Nguyễn Hải Trường. G trả chi Nh tiền lãi 01 tháng là 60.000.000 đồng, Còn tiền gốc chưa trả.

10. Ngày 10/12/2014, theo chỉ dẫn của Trần Hải G, Chi Nh chuyển 1.900.000.000 đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng) vào tài khoản số 1004032659 mang tên Trần Hải La, mở tại Ngân hàng TMCP M - Hà Nội. G nhờ Trần Hải La rút ra chiếm đoạt. Cùng ngày, G và chi Nh ký hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền trên, thời hạn là 60 ngày kể từ ngày ký. Khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Nguyễn Văn La. G trả lãi chi Nh 01 tháng là 76.000.000 đồng, Còn tiền gốc chưa trả.

11. Ngày 12/11/2014, theo chỉ dẫn của G, chi Nh chuyển 7.500.000.000 đồng (Bảy tỷ năm trăm triệu đồng) vào tài khoản số 1004084393 mang tên Bùi Bảo Th, mở tại Ngân hàng TMCP M - Hà Nội. G bảo Th rút ra sử dụng hết. Sau đó, G và chi Nh ký hợp đồng quản lý tài khoản số tiền trên, thời hạn phong tỏa là 30 ngày kể từ ngày

ký. Khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Nguyễn Văn Hải. Đến ngày 12/12/2014 G đã trả chị Nh 600 triệu đồng tiền lãi. G và chị Nh ký biên bản thanh lý hợp đồng quản lý tài khoản số tiền trên. Sau đó, G và chị Nh ký tiếp hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền 7.500.000.000 đồng, thời hạn phong tỏa là 30 ngày, kể từ ngày ký. Khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Nguyễn Xuân Hương. Hợp đồng này G chưa trả cả gốc và lãi.

12. Ngày 12/12/2014, chị Nh thông báo với G là đã huy động được 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng), G mang hợp đồng quản lý tài khoản đến nhà chị Nh để ký trước Hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng), thời hạn phong tỏa là 7 ngày kể từ ngày ký. Khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Nguyễn Văn La. Ngày 13/12/2014 Chị Nh đã nộp 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) vào tài khoản số 1004032659 mang tên Trần Hải La. Sau đó, G nhờ Trần Hải La rút ra để chiếm đoạt. Đến ngày 19/12/2014 hết hạn hợp đồng, G đã trả chị Nh 7 ngày tiền lãi là 40.000.000 đồng, G và chị Nh ký biên bản thanh lý hợp đồng quản lý tài khoản số tiền trên. Sau đó, G và chị Nh ký tiếp hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng), thời hạn phong tỏa là 24 ngày kể từ ngày ký. Hợp đồng này G chưa trả cả gốc và lãi.

13. Ngày 17/12/2014, theo chỉ dẫn của G, chị Nh chuyển 5.500.000.000 đồng (Năm tỷ năm trăm triệu đồng) vào tài khoản số 1004084393 mang tên Bùi Bảo Th, mở tại Ngân hàng TMCP M - Hà Nội. G nhờ Th rút ra chiếm đoạt. Cùng ngày, Trần Hải G và chị Nh đã ký hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền trên, thời hạn phong tỏa là 30 ngày kể từ ngày ký. Khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Nguyễn Xuân Trường. G đã trả chị Nh 02 tuần là 110.000.000 đồng tiền lãi, Còn tiền gốc chưa trả.

14. Sáng ngày 19/12/2014, theo chỉ dẫn của Trần Hải G, chị Nh chuyển 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm ngàn đồng) vào tài khoản số 1004334373 mang tên Trịnh Tiến Tài-sinh năm 1989-trú tại: Ngõ Cửa Long, đường Trường Chinh, Hoàng Mai, Hà Nội (là bạn học Đại học với G), mở tại Ngân hàng H Tây Sơn - Hà Nội. G nhờ Tài rút ra chiếm đoạt. Buổi chiều cùng ngày, G và chị Nh ký hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền trên, thời hạn phong tỏa là 07 ngày kể từ ngày ký. Khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Nguyễn Xuân Trường. G đã trả chị Nh tiền lãi 16.000.000 đồng. Còn tiền gốc chưa trả.

15. Ngày 29/12/2014, theo chỉ dẫn của Trần Hải G, chị Nh chuyển 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản số 22210000657519, mang tên Lưu Xuân Hòa (là bạn học Đại học cùng G), mở tại Ngân hàng B chi nhánh Thanh Xuân. G nhờ Hòa rút ra chiếm đoạt. Cùng ngày, Trần

Hải G và chị Nh ký hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền trên, thời hạn phong tỏa là 14 ngày kể từ ngày ký. Khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Trịnh Tiến Tài. G chưa trả chị Nh tiền gốc và lãi.

16. Ngày 30/12/2014, Trần Hải G đến nhà chị Nh nhận 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một). Sau đó, Trần Hải G và chị Nh ký hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền trên, thời hạn phong tỏa là 7 ngày kể từ ngày ký. Khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Nguyễn Đức Bình. G đã trả chị Nh tiền lãi là 21.000.000 đồng, Còn tiền gốc chưa trả.

17. Ngày 31/12/2014, Trần Hải G và chị Nh ký hợp đồng quản lý tài khoản phong tỏa số tiền 6.600.000.000 đồng (sáu tỷ sáu trăm triệu đồng), thời hạn phong tỏa là 7 ngày kể từ ngày ký. Khách hàng cần chứng minh năng lực tài Chi là Trịnh Tiến Tài. Sau khi ký hợp đồng, chị Nh giao 6.600.000.000 đồng (sáu tỷ sáu trăm triệu đồng) cho G. Hợp đồng này G chưa trả cả gốc và lãi.

Tổng số chị Nh đã chuyển cho G là 58.730.000.000 đồng (Năm mươi tám tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng). G đã trả chị Nh tiền lãi là 2.062.500.000 đồng, còn tiền gốc chưa trả. Trong đó, Bùi Bảo Th đã 03 lần nhận tiền của chị Nh giúp G với số 18.000.000.000 đồng. Sau đó, Th chuyển một số tiền vào tài khoản của G hoặc Trần Hải La, một số thì Th rút ra trả nợ các khoản vay mà Th đã vay giúp G trước kia.

Bùi Văn Chi đã làm giả 36 hợp đồng quản lý tài khoản, 04 biên bản thanh lý hợp đồng quản lý tài khoản. Mỗi hợp đồng G trả Chi từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng tiền công. Tổng số, Chi đã nhận của G 8.000.000 đồng tiền công.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ một số vật chứng gồm:

- 16 Hợp đồng quản lý tài khoản, có hình dấu của Ngân hàng TMCP M-Hà Nội, chi nhánh Hàng Trống, phòng giao dịch Cửa Bắc có chữ ký của Trần Hải G-Phó Giám đốc PGD Cửa Bắc (thu của Trần Hải G).

- 20 Hợp đồng quản lý tài khoản, 04 biên bản thanh lý hợp đồng quản lý tài khoản có hình dấu của Ngân hàng TMCP M-Hà Nội, chi nhánh Hàng Trống, Phòng Giao dịch Cửa Bắc, có chữ ký của Trần Hải G-Phó Giám đốc PGD Cửa Bắc (thu của bị hại Trần thị Nh).

- 40 tờ A4, có in biểu tượng của Ngân hàng H ở phần lễ trên; khám xét cửa hàng phô tô số 89 Trần Đại Nghĩa thu giữ 01 CPU máy tính. Kiểm tra máy tính phát hiện 01 file hình ảnh mẫu dấu Ngân hàng H chi nhánh Hàng Trống, phòng giao dịch Cửa Bắc.

Tại Bản kết luận giám định số 6618 ngày 21/7/2015 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát kết luận:

“...5. Kết luận giám định:

5.1. Hình dấu tròn có nội dung: “Ngân hàng thương mại cổ phần M-Hà Nội, chi nhánh Hàng Trống phòng giao dịch Cửa Bắc” trên 40 tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A40 không phải là hình dấu đăng trực tiếp, mà là hình dấu giả được in bằng phương pháp in phun màu.

5.2. Chữ ký đứng tên “Phó giám đốc PGD Cửa Bắc Trần Hải G” trên 40 tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A40 so với chữ ký của Trần Hải G trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M2 đến M6 do cùng một người ký ra”.

Ngoài ra, để tạo lũng tin của chị Trần Thị Nh, Trần Hải G đã yêu cầu chị Nh đến Ngân hàng E - Phòng giao dịch Hàng Bông nộp tiền chứng minh năng lực tài Chi cho khách hàng có tài khoản mở tại Ngân hàng E (thực tế thời điểm này ngân hàng E không có chương trình chứng minh năng lực tài Chi). Sáng ngày 10/11/2014, G đã gọi điện cho Bùi Quốc Khánh-sinh năm 1982 là Trưởng phòng giao dịch Hàng Bông-Ngân hàng E, trao đổi với Khánh về việc chị Nh đến nộp tiền chứng minh năng lực tài Chi, nhờ Khánh ký 01 bản hợp đồng quản lý tài khoản có thời hạn 01 tháng cho chị Nh. Khánh đồng ý. Sau đó, chị Nh đến phòng giao dịch Hàng Bông-Ngân hàng E gặp Bùi Quốc Khánh, nộp số tiền 1.650.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản số 170014849047639, mang tên Trịnh Trường Kim mở tại Ngân hàng E. Cùng ngày, Trịnh Trường Kim chuyển số tiền trên cho Trần Hải La, số tài khoản 1004032659 mở tại H Thái Hà-Hà Nội. Sau khi chị Nh chuyển tiền, Khánh đã sử dụng mẫu của Ngân hàng E chỉnh sửa một số nội dung thành 01 bản hợp đồng quản lý tài khoản, thời hạn 01 tháng, rồi ký tên đóng dấu phòng giao dịch và đưa cho chị Nh 01 bản, trong hợp đồng nêu rõ Ngân hàng E phong tỏa số tiền chị Nh gửi tại Ngân hàng. Đúng 01 tháng sau, Khánh gọi điện nhắc G trả cho chị Nh số tiền trên. Sau đó, G báo lại với Khánh là đã trả tiền cho chị Nh. Khánh đã gọi điện thoại yêu cầu chị Nh chuyển trả hợp đồng quản lý tài khoản. Chị Nh đã trả lại cho Khánh hợp đồng, Khánh đã hủy hợp đồng đó. Quá trình điều tra, Khánh khai: Do tin tưởng G là để chứng minh năng lực tài Chi, nên Khánh đã làm và ký hợp đồng quản lý tài khoản với chị Nh. Tuy nhiên, Khánh đã không phong tỏa tài khoản của anh Kim, đã vi phạm quy định của ngân hàng nên Ngân hàng E đã có quyết định buộc thôi việc đối với Bùi Quốc Khánh. Bản thân Khánh không được hưởng lợi gì, mục đích để phòng giao dịch hưởng doanh số, Sau đó đã đôn đốc Trần Hải G trả lại tiền cho chị Nh đúng hạn. Hành vi của Bùi Quốc Khánh chưa đến mức xử lý hình sự nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Trần Hải La có sử dụng tài khoản 1004032659 của mình tại ngân hàng H Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội để nhận tiền giúp Trần Hải G, cụ thể thông qua số tài

khoản trên La đã nhận tiền của bà Trần Thị Nh gửi 07 lần với tổng số tiền 18.200.000.000 đồng. Số tiền trên theo yêu cầu của G, Trần Hải La trực tiếp rút ra hoặc chuyển vào tài khoản cho G hết. Trần Hải La không được hưởng lời, không biết nguồn gốc và lý do chuyển tiền. Quá trình điều tra xác định Trần Hải La và gia đình bán nhà bỏ địa phương đi đâu nêu chưa triệu tập làm rõ được nên Cơ quan điều tra quyết định tách rút tài liệu liên quan đến hành vi của Trần Hải La để tiếp tục điều tra xác minh.

Đối với các đối tượng Trịnh Trường Kim, Nguyễn Xuân Hương, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Văn La, Trịnh Tiến Tài, Lưu Xuân Hòa, Tạ Đức Bản là những người đã cho bị cáo Trần Hải G mượn tài khoản Ngân hàng để giúp G nhận tiền của chị Nh. Tuy nhiên, họ không biết việc G lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Nh. Hành vi của Kim, Hương, Hải, Nguyễn Văn La, Tài, Hòa, Bản không phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Ngoài ra, Trần Hải G còn có hành vi vay nợ tiền của nhiều người, cụ thể như sau:

- Chị Nguyễn Thị Thúy-Ngân hàng E, PGD Trần Duy Hưng, số tiền 30.000.000.000 đồng với lãi suất 20.000 đồng/triệu/ ngày (Có giấy vay nợ).
- Chị Nguyễn Minh Huệ - ở Bùi Ngọc Dương, Hà Nội, số tiền 18.500.000.000 đồng với lãi suất 15.000 đồng/triệu/ngày (Có giấy vay nợ).
- Anh Nguyễn Văn La: ở Thái Hà, Hà Nội số tiền 7.300.000.000 đồng với lãi suất 8.000 đồng/triệu/ngày (Có giấy vay nợ).
- Anh Nguyễn Minh Th ở Phạm Huy Thông, Ba Đình, Hà Nội số tiền 22.000.000.000 đồng với lãi suất 15.000 đồng/triệu/ngày.
- Anh Lưu Ngọc Hà - ở H Hàng Trống, Hà Nội số tiền 1.500.000.000 đồng với lãi suất 5-10.000 đồng/triệu/ ngày.
- Bùi Bảo Th số tiền 3.000.000.000 đồng, lãi suất 1,2%/tháng.
- Nhờ mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Nghiên vay hộ 1.500.000.000 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Thân ở Liên Minh, Thanh Trì, Hà Nội số tiền khoảng 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, không tính lãi.
- Anh Nguyễn Xuân Trường ở 45 Phùng Hưng, Hà Nội số tiền 2.600.000.000 đồng, lãi suất 50.000 đồng/triệu/ ngày.
- Nguyễn Công Đoàn ở Liên Minh, Thanh Trì, Hà Nội số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/ triệu/ ngày.

- Anh Nguyễn Xuân Hương-Ngân hàng MB khoảng 8.000.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/ triệu/ ngày.

- Chị Nguyễn Thị Thanh Huyền-Ngân hàng Vpbank 150.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày.

- Lưu Xuân Hòa - sinh năm 1986-trú tại: số 12A08 khu Đô thị Đại Thanh, Thanh Trì số tiền 3.000.000.000 đồng, G đã trả lãi cho anh Hòa 60.000.000 đồng, Còn chưa trả 3.000.000.000 đồng.

- Anh Đàm Quang Dũng-sinh năm 1985, trú tại: phòng 709 nhà 17T10 phố Nguyễn Thị Định, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, G vay 350.000.000 đồng, G đã trả 50.000.000 đồng, Còn chưa trả 300.000.000 đồng.

Tổng số G vay nợ của những người nêu trên khoảng 99.400.000.000 đồng. Hành vi vay tiền của Trần Hải G nêu trên là quan hệ dân sự. Cơ quan điều tra đã hướng dẫn những cá nhân nêu trên gửi đơn đến Tòa án dân sự giải quyết theo thủ tục dân sự.

Ngoài ra, G còn khai nhận: vay của anh Tạ Đức Bản - Ngân hàng B phố Nguyễn Ngọc Vũ, Hà Nội 1.000.000.000 đồng. Quá trình điều tra anh Bản khai chưa bao giờ cho G vay tiền, ngoài ra không Còn tài liệu nào khác nên không đủ căn cứ xác định G vay của Tạ Đức Bản số tiền trên; G Còn vay của anh Nguyễn Xuân Trường-trú tại: Số L phố Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa chỉ trên không có ai tên là Nguyễn Xuân Trường mà có Đặng Ngọc Trường-sinh năm 1986, HKTT: số D phố Chương Dương Độ, phường Chương Dương Độ, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Trường thuê địa chỉ L phố Phùng Hưng để kinh doanh cầm đồ. Hiện Đặng Ngọc Trường không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai; Trần Hải G Còn vay của Nguyễn Thị Bích trú tại: xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa chỉ nêu trên nhưng không có Nguyễn Thị Bích; G Còn vay Vũ Quang Th trú tại: Phố Phạm Huy Thông, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội không biết cụ thể số nhà, anh Đức (không biết địa chỉ) nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra, Trần Hải G khai: Tham gia cá độ bóng đá với Nguyễn Quang Thành (không xác định được nhân thân). Ngoài lời khai của G, thì không còn tài liệu nào khác chứng minh G tham gia cá độ bóng đá nên không đề cập xử lý.

Đối với khoản tiền 09 tỷ đồng mà G lừa chị Nh chuyển vào tài khoản của Trịnh Trường Kim ngày 13.11.2014, sau khi có tiền vào tài khoản G đã gọi điện cho Kim và nhờ Kim chuyển tiền vào các tài khoản của anh Nguyễn Văn La 2.043.200.000đồng, anh Kiều Trung Dũng 416.300.000đồng, anh Tạ Đức Bản

150.000.000đồng, anh Nguyễn Thanh Tùng 300.000.000đồng và chị Nguyễn Thị Thúy 3.000.000.000đồng để trả nợ cho G. Số tiền còn lại 3.090.000.000đồng G bảo anh Kim rút toàn bộ ra đưa cho G.

Ngày 27/01/2015 Cơ quan điều tra nhận được đơn đề nghị của anh Nguyễn Tiến Đức - sinh năm 1978 - trú tại: Số 5, Ngõ K phố Đức G, Gia La, Hà Nội đề nghị Cơ quan điều tra cho gặp Trần Hải G để anh Đức hoàn thiện thủ tục công chứng mua bán căn hộ số 2606 tầng 26, diện tích 61,5m² thuộc Tòa nhà văn phòng dịch vụ thương mại và nhà ở VP5, khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở tại hồ Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội với bị can Trần Hải G với lý do: ngày 03/7/2013, Trần Hải G ký hợp đồng mua bán căn nhà trên của công ty cổ phần sản xuất-xuất nhập khẩu Bemes, khi đã đang xây dựng. Ngày 04/10/2013, G thế chấp căn hộ trên vay 700.000.000 đồng của Ngân hàng B chi nhánh Hai Bà Trưng, Hà Nội, dưới dạng hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai. Đến ngày 28/11/2013, G ủy quyền cho anh Nguyễn Tiến Đức thực hiện tiếp hợp đồng vay vốn trên với Ngân hàng B-Chi nhánh Hai Bà Trưng và thỏa thuận bán căn hộ trên cho anh Đức, theo hợp đồng ủy quyền số 132850, ngày 28/11/2014 tại Văn phòng công chứng Việt- thành phố Hà Nội. Đến ngày 24/9/2014, chủ đầu tư đã bàn giao căn hộ trên cho anh G. Anh Đức và G chưa kịp làm hợp đồng mua bán căn hộ trên thì G bị bắt. Quá trình điều tra xác định: việc G mua căn hộ trên bằng nguồn tiền vay Ngân hàng B và tiền của cá nhân G từ năm 2013. Việc G bán căn hộ trên cho anh Đức là có căn cứ. Anh Đức đã thanh toán trả Ngân hàng B-Chi nhánh Hai Bà Trưng số tiền 700.000.000 đồng và thanh toán cho G số tiền Còn lại hai bên đã thỏa thuận nên ngày 25/4/2015 G đã làm hợp đồng bán căn hộ trên cho anh Đức, có sự chứng kiến của Văn phòng công chứng Việt - thành phố Hà Nội. Anh Đức đã nộp lại 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho G.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 68.000.000 đồng (Sáu mươi tám triệu đồng) gồm: 10.000.000 đồng là tiền của Trịnh Trường Kim trả nợ cho Trần Hải G, anh Nguyễn Tiến Đức đã nộp lại 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho Trần Hải G; bị can Bùi Văn Chi tự nguyện giao nộp số tiền thu lời bắt Chi 8.000.000 đồng.

Về dân sự: Chị Trần Thị Nh và anh Phan Nam đề nghị bị cáo Trần Hải G và những người liên quan hiện cầm tiền của anh chị, trả lại anh chị số tiền còn bị chiếm đoạt là 56.657.500.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Trần Hải G, Bùi Văn Chi đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên, lời khai nhận tội phù hợp với lời khai bị hại, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án. Riêng bị cáo Bùi

Bảo Th ban đầu khai nhận tội, sau này Th khai không biết hành vi lừa đảo của Trần Hải G từ đầu mà thời điểm tháng 01/2015 mới biết và không bàn bạc với G nhưng căn cứ vào lời khai ban đầu của bị cáo Th, lời khai của Trần Hải G, lời khai của bị hại Trần Thị Nh và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Đầu tháng 11/2014 Th biết G cần tiền để trả nợ, Th biết chị Nh có tiền nên đã giới thiệu với G. G bàn với Th về việc thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Nh bằng thủ đoạn giả mạo Ngân hàng H huy động vốn chứng minh năng lực tài Chi cho khách hàng Sau đó rút tiền ra để sử dụng. Th đồng ý và gọi điện cho chị Nh để giới thiệu về gói sản phẩm trên và giới thiệu G với chị Nh, ngoài ra Còn 03 lần giúp G nhận tiền của chị Nh, tổng số 18.000.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Th đã chuyển khoản cho G và Trần Hải La 12.100.000.000 đồng, Còn lại 5.900.000.000 đồng Th trả nợ cho một số người trước đã Th vay của họ để cho G vay. Hành vi của Bùi Bảo Th đã giúp sức tích cực để Trần Hải G chiếm đoạt tài sản của chị Trần Thị Nh.

Đối với những người Th vay tiền của họ để cho G vay gồm: anh Phùng Ngọc Khoa-sinh năm 1965 trú tại tổ A, Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang 3.500.000.000 đồng; chị Đỗ Thị Thu - sinh năm 1978-trú tại: Tổ G, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà G 700.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Chiến-sinh năm 1969-trú tại: Tổ A, Minh Xuân, Tuyên Quang 600.000.000 đồng; chị Trần Thị Phương La-sinh năm 1965-trú tại: Tổ N, Tân Quang, Tuyên Quang, Tuyên Quang 150.000.000 đồng; chị Bùi Thị Minh Hoa-sinh năm 1970-trú tại: Tổ K, Hưng Thành, Tuyên Quang, Tuyên Quang 150.000.000 đồng; anh Bùi Chí Công-sinh năm 1960-trú tại: khu 4, Tân Yên, Hàm Yên, Tuyên Quang 300.000.000 đồng; Bùi Thanh Tùng-sinh năm 1965-trú tại: khu 4, Tân Yên, Hàm Yên, Tuyên Quang 500.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định việc Th vay mượn của những người trên là quan hệ dân sự, sau khi nhận tiền từ chị Nh, Th đã trả hết cho những người trên, họ không biết Th dùng tiền chiếm đoạt của chị Nh để trả cho họ nên Cơ quan điều tra không đề cập.

Ngoài ra Bùi Bảo Th Còn vay của anh Nguyễn Văn La-sinh năm 1974-trú tại: số A, ngách 11/68 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội số tiền 1.500.000.000 đồng đến nay chưa trả. Hành vi vay tiền của Th là quan hệ dân sự. Cơ quan điều tra đã hướng dẫn anh La gửi đơn đến Tòa án dân sự giải quyết theo thủ tục dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 45 CT/VKS- P2 ngày 24 tháng 01 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố:

- Bị cáo Trần Hải G về 2 tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139; khoản 3 Điều 267 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Bùi Bảo Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Bùi Văn Chi về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo quy định tại khoản 3 Điều 267 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Trần Hải G, Bùi Bảo Th, Bùi Văn Chi đã thành khẩn nhận tội và khai lại toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố. Các bị cáo mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa Bùi Bảo Th khai: Không có người tên Lê Đức Quỳnh nhận số tiền 02 tỷ đồng từ bị cáo (Người tên Lê Đức Quỳnh là do bị cáo tự mạo ra trong quá trình điều tra).

- Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố và luận tội đối với các bị cáo Trần Hải G, Bùi Bảo Th; rút quyết định truy tố đối với bị cáo Bùi Văn Chi từ khoản 3 Điều 267 xuống điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự với lý do: Bị cáo Bùi Văn Chi khi làm theo yêu cầu của khách hàng, không có quan hệ gì với Trần Hải G, không biết việc làm của mình là đặc biệt nghiêm trọng.

Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đối với từng bị cáo. Kiểm sát viên đã đề nghị với Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139; khoản 3 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 34; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Hải G tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 04 đến 05 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hình phạt chung cho cả 2 tội buộc bị cáo Trần Hải G phải chấp hành là tù chung thân.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Bảo Th 20 năm tù.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 267; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn Chi 18 đến 24 tháng tù.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã chứng minh sau khi bị cáo Trần Hải G và Bùi Bảo Th lừa đảo được số tiền 18 tỷ đồng của vợ chồng chị Nh, Th rút hết tiền, đưa cho G là 12,1 tỷ đồng, giữ lại số tiền 5,9 tỷ đồng mà G vay trước đó.

Số tiền 5,9 tỷ đồng giữ lại (Đây là tiền do bị cáo chiếm đoạt được của chị Nh), bị cáo Th đã trả nợ cho những người sau: Anh Phùng Ngọc Khoa 2,4 tỷ; Bùi Thanh Tùng 500 triệu; Trần Thị Phương La 150 triệu; Dương Văn Th 150 triệu; Bùi Chí Công 600 triệu; Nguyễn Văn Chiến 600 triệu; Đỗ Thị Thu 700 triệu và Bùi Thị Minh Hoa 150 triệu đồng. Ngoài ra, bị cáo Bùi Bảo Th còn khai trả cho chị Đỗ Thị Thu số tiền là 800 triệu đồng nhưng không chứng minh được chị Thu nhận số tiền này.

Tổng số tiền Th trả cho 8 người trên là 5.250.000.000đồng, khoản tiền này được xác định là do Bùi Bảo Th phạm tội mà có. Những người được nhận tiền do Th trả không biết đó là tiền do Th phạm tội mà có, họ chiếm giữ ngay tình nhưng không có căn cứ pháp luật. Nay đề nghị Hội đồng xét xử buộc 08 người trên phải trả lại số tiền đã nhận cho chủ sở hữu là vợ chồng chị Nh anh Nam. Do họ nhận tiền không biết đó là tiền do phạm tội mà có, nên nay họ phải trả lại tiền, thì họ không phải chịu án phí dân sự.

Số tiền còn lại 650.000.000đồng, buộc Th phải trả lại cho vợ chồng chị Nh(Khoản tiền này bị cáo phải chịu án phí dân sự).

Tương tự, đối với số tiền 09 tỷ đồng mà G lừa chị Nh chuyển vào tài khoản của anh Trịnh Trường Kim; G đã trả nợ cho anh Nguyễn Văn La 2.043.300.000đồng; Kiều Trung Dũng 416.300.000đồng; Tạ Đức Bản 150.000.000đồng; Nguyễn Thanh Tùng 300.000.000đồng; Nguyễn Thị Thúy 3.000.000.000 đồng; tổng số tiền là 5.909.600.000đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các anh chị trên phải trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp trước khi bị lừa đảo là gia đình chị Nh.

Trong vụ thứ nhất, anh Nam chuyển số tiền 2.131.299.000đồng vào tài khoản anh Nguyễn Văn La, anh La đã rút tiền ra trả cho G là 2 tỷ đồng; còn giữ lại số tiền là 131.299.000đồng, nay đề nghị HĐXX buộc anh La phải trả lại số tiền này cho gia đình anh Nam.

Đối với những người cho G và Th vay tiền, quá trình điều tra đã xác định được đây là quan hệ dân sự, không liên quan đến vụ án này, nên Cơ quan điều tra đã giải thích rõ cho họ biết quyền định đoạt về tài sản(Tự thỏa thuận giải quyết hoặc kiện ra Tòa dân sự để giải quyết).

Số tiền còn lại G thừa nhận mình chiếm đoạt nên đề nghị HĐXX buộc G phải trả cho vợ chồng chị Nh.

- Về vật chứng có khoản tiền 68.000.000đồng. Đề nghị HĐXX giải quyết theo qui định của pháp luật.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa Trần Hải G, tại phiên tòa không tranh luận về mặt tội danh mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở các tình tiết sau: Gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng, có bố làm nghề Công an và là bệnh binh. Bị cáo phạm tội lần đầu, tại phiên tòa thành

khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Bị cáo đầu thú và đã khắc phục được số tiền hơn 2 tỷ đồng. Luật sư đề nghị với HĐXX phạt bị cáo với mức án tù có thời hạn.

* Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại tại phiên tòa phát biểu: Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, với việc chiếm đoạt số tiền trên 58 tỷ đồng của gia đình anh Nam (Anh Nam, chị Nh phải đi huy động của anh em, gia đình, bạn bè và thậm chí là cả đối tác mới có được khoản tiền đó). Hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến gia đình anh Nam một cách nghiêm trọng như mất tiền, mất niềm tin ở bạn bè đối tác, mất sức khỏe do phải suy nghĩ buồn phiền.... Luật sư đề nghị HĐXX chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên buộc những người đang chiếm giữ tài sản của anh Nam, chị Nh do các bị cáo phạm tội mà có phải trả lại cho anh Nam, chị Nh. Luật sư cũng đề nghị Tòa xem xét về trách nhiệm của ngân hàng H Hàng Trống đối với việc quản lý con dấu ban đầu để tạo niềm tin đối với việc lừa đảo của G.

Sau khi nghe các bên đối đáp và Đại diện Viện kiểm sát giải thích về số tiền mà những người liên quan đang cầm giữ là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, nay cần buộc trả lại cho chủ sở hữu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hải G đã nhận tội và khai lại toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo thừa nhận trực tiếp lừa đảo số tiền trên 58 tỷ đồng của gia đình chị Trần Thị Nh, thông qua tài khoản của những người quen biết và giấy tờ mẫu dấu do bị cáo đặt hàng làm giả. Sau khi có tiền chuyển vào tài khoản của những người quen biết, bị cáo đã trực tiếp đến lấy tiền và theo yêu cầu của bị cáo có một lần anh Trịnh Trường Kim đã chuyển tiền vào các tài khoản chủ nợ của bị cáo để trả nợ cho bị cáo. Những người được bị cáo nhờ tài khoản họ không biết gì về việc làm của bị cáo, riêng Bùi Bảo Th là người giới thiệu cho bị cáo quen biết vợ chồng chị Nh và tạo niềm tin ban đầu. Th là người đồng phạm đã giúp bị cáo trong thực hiện việc lừa đảo số tiền là 18 tỷ đồng nằm trong tổng số tiền 58 tỷ đồng. Bị cáo Bùi Bảo Th khai nhận, bị cáo và G là chỗ thân thiết từ ngày cùng làm chung tại ngân hàng E và cùng về làm việc tại ngân hàng H. Do có quan hệ đồng nghiệp và anh em quý mến nhau nên, bị cáo đã vay tiền của nhiều người trong gia đình cho G vay lại gần 10 tỷ đồng để lấy lãi. Ban đầu bị cáo không biết G lừa đảo tiền của gia đình chị Nh, nhưng sau khi chị Nh chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo và do có nghiệp vụ về ngân hàng, bị cáo có nghi ngờ G lừa tiền của chị Nh, nhưng bị cáo lại không gọi điện thông báo cho chị Nh biết mà giúp G rút toàn bộ số tiền 18 tỷ đồng ra, giữ lại số tiền 5,9 tỷ đồng tiền G nợ; số tiền 12,1 tỷ đồng bị cáo đã trả hết cho G. Nay bị cáo rất ân hận về việc làm thiếu suy nghĩ, thiếu hiểu biết của mình, đã giúp sức cho G lừa đảo tiền của gia đình chị Nh, bị cáo xin chịu

trách nhiệm về việc làm của mình. Bị cáo Bùi Văn Chi khai, không quen biết G và đơn giản G chỉ là một khách hàng phô tô copy và in ấn tại cửa hàng phô tô copy của Chi. Nên G đặt hàng và yêu cầu gì, thì bị cáo làm theo yêu cầu đó để nhận tiền công. Bị cáo không ngờ rằng sự vô tư, chủ quan thiếu hiểu biết của mình lại bị G lợi dụng để đi lừa đảo tiền của người khác và để xảy ra hậu quả của vụ án này. Bị cáo rất ân hận về việc làm thiếu suy nghĩ của mình.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, cùng lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Tòa thấy đã đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Hải G, Bùi Bảo Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Hải G phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” tội và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 267 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Văn Chi phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” tội và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự. Việc xét xử các bị cáo với hành vi phạm tội trên là cần thiết và có căn cứ pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Trong đó, hành vi phạm tội của 02 bị cáo Trần Hải G và Bùi Bảo Th là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác; hành vi của bị cáo Trần Hải G, Bùi Văn Chi xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn và uy tín của cơ quan tổ chức; đây là các khách thể được luật hình sự bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự và an toàn xã hội, làm cho nhân dân phần nộ bất bình đòi hỏi cần phải xử lý thật nghiêm.

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cần căn cứ vào tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo để quyết định:

Đối với bị cáo Trần Hải G là người giữ vai trò đầu trong cả 2 hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo bất chấp pháp luật và đạo lý làm người, chiếm đoạt tài sản lớn của người khác, sau đó sử dụng số tiền chiếm đoạt được vào việc thực hiện hành vi trái pháp luật khác mà tại phiên tòa bị cáo khai nhận là “Cá độ bóng đá”. Với vai trò đầu và phạm tội nhiều lần; mặc dù, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình có công với cách mạng, bị cáo đầu thú. Nhưng với cùng thời điểm thực hiện nhiều hành vi phạm tội và gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, nên Kiểm sát viên đã đề nghị với Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chung thân về Tội lừa đảo; 04 đến 05 năm tù về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức”, HĐXX thấy mức án trên là phù hợp và cần được chấp nhận.

Đối với bị cáo Bùi Bảo Th giữ vai trò thứ 2, giúp sức cho hành vi phạm tội của Trần Hải G. Với số tiền lừa đảo là 18 tỷ đồng, mặc dù bị cáo chỉ đòi nợ được từ G số tiền 5,9 tỷ mà G vay trước đó, nhưng với vai trò là người giới thiệu, tạo niềm tin đối với người bị hại. Sau đó, biết G phạm tội nhưng nghĩ đơn giản vẫn giúp đỡ. Bị cáo phạm tội nhiều lần, mặc dù lần đầu phạm tội, tại phiên tòa thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, số tiền chiếm đoạt không được hưởng lợi nên cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Đối với bị cáo Bùi Văn Chi là nhân viên Cửa hàng phô tô copy không có quan hệ gì với G từ trước, nhưng khi được G đặt hàng và trả công cao bị cáo đã làm theo yêu cầu của G mà không nghĩ đến hậu quả. Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, tại phiên tòa thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã nộp lại số tiền do phạm tội mà có là 8.000.000đồng. Đại diện VKS đề nghị tuyên phạt bị cáo mức án từ 18 đến 24 tháng tù là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Tại phiên tòa, người bị hại anh Phan Nam yêu cầu buộc 02 bị cáo Trần Hải G, Bùi Bảo Th và những người liên quan nhận tiền từ G và Th còn cầm tổng số tiền là 56.657.500.000đồng của gia đình anh phải hoàn trả lại cho gia đình anh.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã chứng minh; sau khi bị cáo Trần Hải G và Bùi Bảo Th lừa đảo được số tiền 18 tỷ đồng của vợ chồng chị Nh, Th rút hết tiền, đưa cho G là 12,1 tỷ đồng, giữ lại số tiền 5,9 tỷ đồng mà G vay trước đó.

Số tiền 5,9 tỷ đồng giữ lại (Đây là tiền do bị cáo Th chiếm đoạt được của gia đình chị Nh mà có), bị cáo Th đã trả nợ cho những người sau: Anh Phùng Ngọc Khoa 2,4 tỷ; Bùi Thanh Tùng 500 triệu; Trần Thị Phương La 150 triệu; Dương Văn Th 150 triệu; Bùi Chí Công 600 triệu; Nguyễn Văn Chiến 600 triệu; Đỗ Thị Thu 700 triệu và Bùi Thị Minh Hoa 150 triệu đồng. Ngoài ra, bị cáo Bùi Bảo Th còn khai trả cho chị Đỗ Thị Thu số tiền là 800 triệu đồng nhưng không chứng minh được chị Thu nhận số tiền này.

Tổng số tiền Th trả cho 8 người trên là 5.250.000.000đồng. Những người được nhận tiền do Th trả không biết đó là tiền do Th phạm tội mà có, họ chiếm giữ ngay tình nhưng không có căn cứ pháp luật. Nay Hội đồng xét xử buộc 08 người trên phải trả lại số tiền đã nhận cho chủ sở hữu của nó là vợ chồng chị Nh anh Nam. Do những người nhận tiền từ Th không biết đó là tiền do phạm tội mà có, nên nay buộc những người này phải trả lại tiền cho chủ sở hữu; họ không có lỗi về số tiền nhận từ Th nên họ không phải chịu án phí dân sự.

Số tiền còn lại 650.000.000đồng, buộc Th phải trả lại cho vợ chồng chị Nh(Khoản tiền này bị cáo phải chịu án phí dân sự).

Tương tự, đối với số tiền 09 tỷ đồng mà G lừa chị Nh chuyển vào tài khoản của anh Trịnh Trường Kim; G đã trả nợ cho anh Nguyễn Văn La 2.043.300.000đồng; Kiều Trung Dũng 416.300.000đồng; Tạ Đức Bản 150.000.000đồng; Nguyễn Thanh Tùng 300.000.000đồng; Nguyễn Thị Thúy 3.000.000.000 đồng; tổng số tiền là 5.909.600.000đồng. Hội đồng xét xử buộc các anh chị trên phải trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp trước khi bị lừa đảo là gia đình chị Nh.

Trong vụ thứ nhất, anh Nam chuyển số tiền 2.131.299.000đồng vào tài khoản anh Nguyễn Văn La, anh La đã rút tiền ra trả cho G là 2 tỷ đồng; còn giữ lại số tiền là 131.299.000đồng, nay cần buộc anh La phải trả lại số tiền này cho gia đình anh Nam.

Số tiền chị Nguyễn Minh Huệ nhận từ Trịnh Tiến Tài là 1.600.000.000đồng (Trong vụ thứ 14); tại phiên tòa G xác nhận số tiền này chị Huệ nhận từ Tài đưa cho G(Vì G còn nợ tiền chị Huệ). Do đó, cần buộc G phải trả lại khoản tiền này cho gia đình chị Nh.

Đối với các khoản tiền G lừa chị Nh chuyển tiền vào các tài khoản anh Tạ Đức Bản, Trịnh Trường Kim, anh Lưu Xuân Hòa, anh Nguyễn Văn La và Trần Hải La tại phiên tòa G đã xác nhận đã nhận lại toàn bộ tiền từ các tài khoản của những người trên rồi chiếm đoạt, nên Trần Hải G phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ khoản tiền này cho gia đình chị Nh.

Đối với khoản tiền mà Trần Hải G và Bùi Bảo Th nợ của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trên thông qua hợp đồng vay mượn tài sản, đây là quan hệ dân sự, không liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

** Về vật chứng:*

Số tiền 60.000.000đồng của Trần Hải G (Gồm 10.000.000đồng do Trịnh Trường Kim nộp trả nợ và 50.000.000đồng do anh Nguyễn Tiến Đức trả nợ tiền nhà mua còn thừa), khoản tiền này sẽ được tạm giữ để thực hiện nghĩa vụ Thi hành án dân sự của Trần Hải G.

Số tiền 8.000.000đồng còn lại do Bùi Văn Chi nộp lại, đây là tiền do Chi phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công.

- *Kiến nghị Công an thành phố Hà Nội tiếp tục điều tra hành vi đánh bạc của Trần Hải G để xử lý theo qui định của pháp luật.*

Các bị cáo phải nộp án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Các bị cáo Trần Hải G, Bùi Bảo Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Các bị cáo Trần Hải G, Bùi Văn Chi phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139; khoản 3 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 34; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Hải G tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, cộng với 05 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo Trần Hải G phải chấp hành là tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 13.01.2015.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Bảo Th 18(Mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 03.03.2015.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 267; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn Chi 18(Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, (Được trừ đi thời hạn đã tạm giam từ ngày 18/3/2015 đến ngày 01/8/2016).

- Kiến nghị Công an thành phố Hà Nội tiếp tục điều tra hành vi đánh bạc của Trần Hải G để xử lý theo quy định của pháp luật.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Áp dụng: Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 166, Điều 167, Điều 589 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30.12.2016 của UBTWQH quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Hải G, Bùi Bảo Th và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tên dưới đây phải hoàn trả (Bồi thường) ngay cho vợ chồng người bị hại: Chị Trần Thị Nh, anh Phan Nam số tiền mà mình đang chiếm giữ cụ thể là:

1. Bị cáo Trần Hải G 44.816.671.000đồng (Bốn mươi bốn tỷ tám trăm mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn đồng);

2. Bị cáo Bùi Bảo Th 650.000.000đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng);

3. Anh Nguyễn Văn La 2.174.529.000đồng (Hai tỷ một trăm bảy mươi tư triệu năm trăm hai mươi chín ngàn đồng);

4. Anh Tạ Đức Bản 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng);

5. Anh Nguyễn Thanh Tùng 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng);
6. Anh Kiều Trung Dũng 416.300.000đồng (Bốn trăm mười sáu triệu ba trăm ngàn đồng).
7. Chị Nguyễn Thị Thúy 3.000.000.000đồng (Ba tỷ đồng);
8. Anh Phùng Ngọc Khoa 2.400.000.000đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng);
9. Anh Bùi Thanh Tùng 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng);
10. Chị Trần Thị Phương La 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng);
11. Anh Dương Văn Th 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng);
12. Ông Bùi Chí Công 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng);
13. Anh Nguyễn Văn Chiến 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng);
14. Chị Đỗ Thị Thu 700.000.000đồng (Bảy trăm triệu đồng)
15. Chị Bùi Thị Minh Hoa 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng);

Tổng số tiền 2 bị cáo và 13 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên phải hoàn trả(Bồi thường) cho vợ chồng chị Trần Thị Nh, anh Phan Nam là 56.657.500.000đồng (Năm mươi sáu tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ có đơn xin thi hành án đối với khoản tiền trên, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không trả đủ khoản tiền phần của mình như án đã tuyên cho người bị hại, thì họ phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận, thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Về xử lý vật chứng:**

Tạm giữ số tiền 60.000.000đồng để thực hiện nghĩa vụ Thi hành án dân sự của bị cáo Trần Hải G.

Số tiền 8.000.000đồng do Bùi Văn Chi phạm tội mà có tự nguyện nộp lại, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

(Khoản tiền 68.000.000đồng trên, hiện đang nằm trong tài khoản của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949 kho bạc nhà nước Hà Đông, ĐVQHNS 1052728 ngày /8/2017 người nộp tiền: Điều tra viên Trần Cường).

* **Án phí:** Ba bị cáo, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Hải G phải nộp 153.940.000đồng(Một trăm năm mươi ba triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng); bị cáo Bùi Bảo Th phải nộp 30.000.000đồng(Ba mươi triệu đồng) án phí dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt 03 bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Tòa báo cho các bên biết quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định Bản án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chỉ có quyền kháng cáo về phần dân sự liên quan đến mình./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao, VKS Cấp cao;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- Phòng KTGD- THA.DS;
- Văn phòng THAN;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa.**

Ngô Tiến Phong